TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 19/6/2023.
"V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Bà Nguyễn Phương Nhi.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Ngọc M, sinh năm 1981; (Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Võ Ngọc N, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2023 cũng như tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lập ngày 12/5/2023 nguyên đơn bà Quách Ngọc M trình bày:

Vào năm 1999, bà Quách Ngọc M và ông Võ Ngọc N chung sống với nhau đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng), giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 26/4/2004. Sau khi kết hôn bà Quách Ngọc M và ông Võ Ngọc N sống hạnh phúc nhưng đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, bà Quách Ngọc M và ông Võ Ngọc N có hai người con chung là Võ

Ngọc B, sinh ngày 28/5/2001 và Võ Ngọc M, sinh ngày 23/6/2011. Bà Quách Ngọc M và ông Võ Ngọc N thống nhất xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nay bà Quách Ngọc M yêu cầu Toà án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà Quách Ngọc M xin được ly hôn với ông Võ Ngọc N.

Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc M, sinh ngày 23/6/2011 đến khi thành niên. Không yêu cầu ông Võ Ngọc N cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/5/2023, bà Quách Ngọc M xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về con chung: bà M đồng ý giao cháu Võ Ngọc M sinh ngày 23/6/2011 cho ông Võ Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ Ngọc N: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Quách Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M, ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999, bà M và ông N sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông N đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng ông N vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh

ngày 24/4/2023, đại diện ban nhân dân Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho biết về tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa ông N và bà M thì địa phương không nắm rõ, do khi xảy ra mâu thuẫn các bên không trình báo. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Nhận thấy, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà Quách Ngọc M và ông Võ Ngọc N thống nhất xác định trong thời chung sống ông bà có hai người con chung là cháu Võ Ngọc B, sinh ngày 28/5/2001 và Võ Ngọc M, sinh ngày 23/6/2011. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 12/5/2023, cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 12/5/2023, bà M xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà M đồng ý giao cháu Võ Ngọc M cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà M không cấp dưỡng nuôi con. Việc bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay cháu Võ Ngọc M đều do ông N chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu M. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu M, HĐXX quyết định giao cháu M cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng: Ông N không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quách Ngọc M và ông Võ Ngọc N thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Quách Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông Võ Ngọc N không phải chịu án phí.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 238, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Ngọc M được ly hôn với ông Võ Ngọc N.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc M, sinh ngày 23/6/2011 cho ông Võ Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà Quách Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà Quách Ngọc M mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quách Ngọc M xác định trong thời gian chung sống bà và ông Võ Ngọc N không tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Quách Ngọc M có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006892 ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Bà Quách Ngọc M đã nộp xong. Ông Võ Ngọc N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà